

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10- THÀNH PHỐ HCM
THÀNH PHỐ HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 674/2025/DS-ST

Ngày: 25-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HCM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Dòn**

2. Bà **Trần Thị Nga**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Văn Long** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – **Thành phố HCM**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố HCM: Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 10 - **Thành phố HCM** xét xử sơ thẩm công khai vụ án **dân sự** thụ lý số: 317/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: 11/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025, Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa xét xử ngày 29 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 235/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM**

Địa chỉ: 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, **Thành phố HCM**

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trang Thụy Thanh X**, sinh năm 1976

Địa chỉ: D15/10C đường Thế Lữ, xã Tân Nhựt (ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh cũ), **Thành phố HCM**

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Hùng A**, sinh năm: 1965

Địa chỉ: A5/19F5 ấp 1, xã Tân Vĩnh Lộc, (xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh cũ), **Thành phố HCM**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn - **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM** trình bày như sau:

Ngày 18/11/2019, Chi nhánh Tổng công ty Điện lực **Thành phố HCM** - Công ty Điện lực Bình Chánh (sau đây gọi tắt là “Công ty Điện lực Bình Chánh”) đã ký Hợp đồng mua bán điện số 19/072467 với ông **Huỳnh Hùng A**, địa chỉ thường trú: 410/27 Lê Văn Quới, Phường Bình Hưng Hòa A, huyện Bình Chánh, Tp.HCM, địa chỉ sử dụng điện: A5/19F5 ấp 1, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Tp.HCM, mã khách hàng: PE15000319638.

Sau khi ký Hợp đồng mua bán điện, Công ty Điện lực Bình Chánh đã cung cấp điện cho ông **Huỳnh Hùng A** theo đúng nội dung Hợp đồng. Tuy nhiên, tiền điện sử dụng từ ngày 18/02/2023 đến ngày 17/03/2023, ông **Huỳnh Hùng A** đã không thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn. Tổng cộng số tiền ông **Huỳnh Hùng A** nợ Tổng công ty Điện lực TP HCM TNHH là 1.363.726 đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), cụ thể như sau:

Giấy báo tiền điện tháng 03/2023 (sử dụng điện từ ngày 18/02/2023 đến 17/03/2023 số tiền là 1.363.726 đồng).

Tại Khoản 1, 2 Điều 23 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 có quy định: “Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện”. Đồng thời, cũng tại điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 cũng có quy định: “Khách hàng sử dụng điện có nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn trong hợp đồng mua bán điện cho bên bán”.

Theo Khoản 5 Điều 1 Hợp đồng mua bán điện, các bên thỏa thuận hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện như sau. Thời hạn thanh toán: 05 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu”.

Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH kính đề nghị Tòa án buộc ông **Huỳnh Hùng A** thanh toán với tổng số tiền là 1.363.726 đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn - Bà **Trang Thụy Thanh X** giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

Bị đơn - Ông **Huỳnh Hùng A** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM** khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ông **Huỳnh Hùng A**, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Tân Vĩnh Lộc (xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh cũ). Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông **Huỳnh Hùng A** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Bà **Trang Thụy Thanh X** vắng mặt tại phiên tòa có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM** với ông **Huỳnh Hùng A** đã ký với nhau Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số: 19/072467 ngày 18/11/2019

Hợp đồng mua bán điện giữa **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM** với ông **Huỳnh Hùng A** đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[4] Sau khi ký hợp đồng mua bán điện, **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM** đã cung cấp điện cho ông **Huỳnh Hùng A** theo đúng nội dung Hợp đồng. Tuy nhiên, tiền điện sử dụng điện từ ngày 18/02/2023 đến ngày 17/3/2023, ông **Huỳnh Hùng A** đã không thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn. Tổng cộng số tiền điện ông **Huỳnh Hùng A** nợ Tổng công ty Điện lực TP HCM TNHH là 1.363.726 đồng.

[5] Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 23 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 quy định:

“Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện”.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 quy định: *“Khách hàng sử dụng điện có nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn trong hợp đồng mua bán điện cho bên bán”.*

Theo Khoản 5 Điều 1 Hợp đồng mua bán điện, các bên thỏa thuận hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện như sau. *Thời hạn thanh toán: 05 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu”.*

[6] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM**, về việc yêu cầu:

Buộc ông **Huỳnh Hùng A** thanh toán với tổng số tiền là 1.363.726 đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn, bảy trăm hai mươi sáu đồng), yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM** được Tòa án chấp nhận nên Ông **Huỳnh Hùng A** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Hoàn lại cho **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM** số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Ký hiệu BLTU/24P, số: 0052319 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – **Thành phố HCM**).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23; 46 Luật Điện lực 2004 (sửa đổi, bổ sung 2012);

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM**.

Buộc ông **Huỳnh Hùng A** thanh toán cho **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM** tổng số tiền là 1.363.726 đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn, bảy trăm hai mươi sáu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Huỳnh Hùng A** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho **Tổng công ty điện lực Thành phố HCM** số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Ký hiệu BLTU/24P, số:

0052319 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – **Thành phố HCM**).

3. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Khu vực 10, TP.HCM;
- THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Ngọc Hải